

**TỔNG HỢP SO SÁNH MỘT SỐ ĐIỂM KHÁC GIỮA
THÔNG TƯ 04/2010/TT-BXD VÀ THÔNG TƯ 06/2016/TT-BXD**

1. Một số điểm lưu ý

- Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng được xây dựng căn cứ vào Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư này hướng dẫn một số nội dung lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng ngoài: TMDT, DTXD, Định mức xây dựng, Giá xây dựng thì thông tư này hướng dẫn thêm phần chỉ số giá xây dựng (Thay thế Thông tư số 02/2011/TT-BXD) và giá ca máy và thiết bị thi công (thay thế Thông tư số 06/2010/TT-BXD).

2. Các nội dung so sánh

2.1. Thông tư số 04/2010/TT-BXD

Tiêu chí đánh giá	Thông tư 04/2010/TT-BXD	Thông tư 06/2016/TT-BXD
Kết cấu tập thông tư	Gồm 4 chương, 19 điều, 8 phụ lục	Gồm 6 chương, 31 điều, 8 phụ lục Có thêm phần Chỉ số giá xây dựng trong chương IV và chương V: Giá ca máy và thiết bị thi công XDCT
Một số khái niệm mới		- Sơ bộ tổng mức đầu tư, căn cứ xác định dựa vào: + Phương án thiết kế sơ bộ của dự án về quy mô + Các nội dung khác của báo cáo tiền khả thi đầu tư xây dựng - Dự toán gói thầu xây dựng, bao gồm 4 nội dung: Dự toán gói thầu thi công xây dựng; dự toán gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị lắp đặt vào công trình; dự toán gói thầu tư vấn đầu tư xây dựng; dự toán gói thầu hỗn hợp. - Chi phí hạng mục chung: có 2 khái niệm. + CP hạng mục chung nằm trong chi phí khác của dự toán xây dựng công trình. + CP hạng mục chung thuộc dự toán gói thầu thi công xây dựng; CP hạng mục chung thuộc

Dự toán GXD – Dừng là kích ~ Kích là sướng

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

		chi phí lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh trong dự toán gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị lắp đặt vào công trình. Tổng chi phí hạng mục chung của gói thầu thi công không được vượt chi phí hạng mục chung trong dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt.
Đối tượng áp dụng	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên.	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xác định và quản lý chi phí đầu tư đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách.
Tổng mức đầu tư XDCT	Gồm 7 khoản mục chi phí, gồm: CPXD, CPTB, CP BTGPMT, CPQLDA, CPTV, CP#, CPDP	Gồm 7 khoản mục chi phí, gồm (<i>sắp xếp lại theo thứ tự phù hợp hơn</i>): CP BTGPMT, CPXD, CPTB, CPQLDA, CPTV, CP#, CPDP. Trường hợp yêu cầu xác định sơ bộ tổng mức đầu tư thì nội dung sơ bộ TMĐT xây dựng gồm các nội dung tương tự TMĐT.
Phương pháp Lập TMĐT	Phương pháp lập được quy định tại Điều 5, gồm 4 phương pháp (quy định cụ thể tại Nghị định 112/2009/NĐ-CP): - PP xác định theo thiết kế cơ sở của dự án - PP tính theo diện tích hoặc công suất sử dụng và giá xây dựng tổng hợp - PP xác định theo số liệu của dự án có các công trình xây dựng có chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tương tự đã được thực hiện - PP kết hợp các phương án trên	Phương pháp lập được quy định tại Điều 4, gồm 3 phương pháp: - PP xác định từ khối lượng xây dựng tính theo thiết kế cơ sở và yêu cầu cần thiết khác của dự án - Xác định theo suất vốn đầu tư xây dựng công trình. - PP xác định từ dữ liệu về chi phí các công trình tương tự đã hoặc đang thực hiện - PP kết hợp các phương án trên

Dự toán GXD – Dừng là kích ~ Kích là sướng

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

1. Thẩm định, phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng 2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng công trình	Các nội dung này bạn tham khảo file “So sánh NBĐ 32/2015 và NBĐ 112/2009” theo địa chỉ sau: Link	
Dự toán xây dựng công trình (Gxdct)	Được quy định tại Điều 6, bao gồm 6 khoản mục chi phí: Gxd, Gtb, Gqlđ, Gtv, Gk, Gdp	Được quy định tại Điều 7, bao gồm 6 khoản mục chi phí: Gxd, Gtb, Gqlđ, Gtv, Gk, Gdp
Chi phí xây dựng (Gxd)	Gồm 5 khoản chi phí: - Chi phí trực tiếp (T): VL, NC, MTC, TT - Chi phí chung: (C) - Thu nhập chịu thuế tính trước (TL) - Thuế GTGT (GTGT) - Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công (Gxdnt)	Gồm 4 khoản chi phí: - Chi phí trực tiếp (T): VL, NC, MTC - Chi phí chung: (C) - Thu nhập chịu thuế tính trước: (TL) - Thuế GTGT: GTGT Lưu ý: Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được chuyển qua chi phí hạng mục chung thuộc chi phí khác. Chi phí trực tiếp khác (<i>không còn tên gọi này</i>) được chuyển qua chi phí hạng mục chung thuộc chi phí khác.
Chi phí thiết bị (Gtb)	Gồm 3 nội dung: (cụ thể Khoản 3 – Điều 6 thông tư số 04/2010/TT-BXD) - Chi phí mua sắm thiết bị công nghệ: Gms - Chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ : Gđt - Chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị và các chi phí khác có liên quan: Glđ	Gồm 3 nội dung (cụ thể Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP): - Chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ: Gms - Chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ: Gđt - Chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị và các chi phí có liên quan: Glđ
Chi phí Quản lý dự án (Gqlđ)	Khoản 3 – Điều 6	Khoản 4 – Điều 7
Chi phí Tư vấn	Khoản 3 – Điều 6	Khoản 4 – Điều 7

Dự toán GXD – Dừng là kích ~ Kích là sướng

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

(Gtv)		
Chi phí khác (Gk)	Khoản 3- Điều 6	Khoản 5 – Điều 7 Ngoài các nội dung được quy định tương tự TT04/2010/TT-BXD, TT mới còn bổ sung một số nội dung đáng chú ý sau: - Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và khi nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. - Các khoản thuế tài nguyên - Chi phí hạng mục chung <i>Các chi phí này gần như là được chuyển từ chi phí trực tiếp khác (TT), chi phí nhà tạm (Gxdnt) thuộc TT04 cũ sang. Bên cạnh đó thêm 1 số nội dung thuộc chi phí hạng mục khác cụ thể tại khoản 5 – Điều 7.</i>
Phương pháp lập dự toán xây dựng công trình		
Dự toán chi phí phần xây dựng (Gxd)	Quy định khoản 1 – Điều 7, gồm 4 phương pháp: - Tính theo khối lượng và giá xây dựng công trình. - Tính theo khối lượng hao phí vật liệu, nhân công, máy thi công và bảng giá tương ứng. - Tính trên cơ sở công trình có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương tự đã và đang thực hiện. - Tính theo suất chi phí xây dựng trong suất vốn đầu tư.	Quy định khoản 1 – Điều 8, gồm 2 phương pháp sau: - Tính theo khối lượng và giá xây dựng công trình (<i>áp dụng phổ biến</i>). - Tính theo khối lượng hao phí vật liệu, nhân công, máy thi công và bảng giá tương ứng.
Dự toán chi phí phần thiết bị (Gtb)	Quy định khoản 2 – Điều 7: - Chi phí mua sắm được xác định: + Đã xác định được giá có thể tính theo số lượng, chủng loại và đơn giá cho 1 đơn vị đó.	Quy định khoản 2 – Điều 8: - Chi phí mua sắm (tương tự thông tư 04/2010/TT-BXD cũ)

Dự toán GXD – Dừng là kích ~ Kích là sống

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

	+ Chưa xác định giá thì dự tính theo báo giá thị trường hoặc công trình có thiết bị tương tự. - Chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ được xác định bằng cách lập dự toán hoặc dự tính tùy theo yêu cầu cụ thể của công trình. - Chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm, hiệu chỉnh được xác định bằng cách lập dự toán như đối với dự toán chi phí xây dựng.	- Chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ được xác định bằng cách lập dự toán tùy theo yêu cầu cụ thể của công trình. - Chi phí lắp đặt thiết bị, thí nghiệm, hiệu chỉnh và các chi phí khác có liên quan được xác định bằng cách lập dự toán như đối với dự toán chi phí xây dựng.
Chi phí quản lý dự án (Gqlda)	Khoản 3 – Điều 7 Được xác định trên cơ sở tham khảo định mức chi phí tỷ lệ do Bộ Xây dựng công bố hoặc bằng cách lập dự toán.	Khoản 3 – Điều 8 Được xác định trên cơ sở định mức tỷ lệ phần trăm % do Bộ Xây dựng công bố đã sử dụng tính toán trong tổng mức đầu tư hoặc bằng cách lập dự.
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gtv)	Khoản 4 – Điều 7 Được xác định trên cơ sở tham khảo định mức chi phí tỷ lệ do Bộ Xây dựng công bố hoặc bằng cách lập dự toán.	Khoản 4 – Điều 8 Ngoài các nội dung tương tự TT04/2010 thì chi phí tư vấn trong TT mới có điểm nổi bật được quy định như sau: - Trường hợp một số công việc tư vấn đầu tư xây dựng thực hiện trước khi xác định dự toán xây dựng công trình thì được xác định bằng giá trị hợp đồng tư vấn đã ký kết. - Trường hợp phải thuê chuyên gia tư vấn nước ngoài thì phương pháp lập dự toán chi phí thuê chuyên gia tư vấn nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.
Chi phí khác (Gk)	Khoản 5 – Điều 7 Được xác định bằng cách lập dự toán hoặc định mức chi phí tỷ lệ theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành có liên quan.	Khoản 5 – Điều 8 Chi phí khác được xác định trên cơ sở định mức tỷ lệ % theo hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền hoặc bằng cách lập dự toán hoặc giá trị hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật.
Chi phí dự phòng (Gdp)	Khoản 6 – Điều 7 - CP dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh tính theo % trên tổng	Khoản 6 – Điều 8, các nội dung tương tự TT04/2010.

Dự toán GXD – Dừng là kích ~ Kích là sướng

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

	chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác. - CP dự phòng cho yếu tố trượt giá được xác định trên cơ sở thời gian xây dựng công trình (tính bằng tháng, quý, năm), kế hoạch bố trí vốn và chỉ số giá xây dựng phù hợp với loại hình công trình xây dựng có tính đến các khả năng biến động giá trong nước và quốc tế.	
1. Thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng công trình 2. Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình	Các nội dung này bạn tham khảo file “So sánh NĐ 32/2015 và NĐ 112/2009” theo địa chỉ sau: Link	
Dự toán gói thầu xây dựng	Nội dung này chưa được quy định trong TT04/2010/TT-BXD	- Dự toán gói thầu xây dựng, bao gồm 4 nội dung: Dự toán gói thầu thi công xây dựng; dự toán gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị lắp đặt vào công trình; dự toán gói thầu tư vấn đầu tư xây dựng; dự toán gói thầu hỗn hợp.
Dự toán gói thầu thi công xây dựng (G_{TXD})	Nội dung này chưa được quy định trong TT04/2010/TT-BXD	Được quy định tại Điều 11: bao gồm chi phí xây dựng, chi phí hạng mục chung và chi phí dự phòng. $G_{TXD} = G_{XD} + G_{HMC} + G_{DP}$ - G_{HMC} gồm một, một phần hoặc toàn bộ các chi phí được xác định trong dự toán xây dựng công trình đã được phê duyệt. Được xác định bằng định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc bằng cách lập dự toán. Tổng chi phí hạng mục chung của gói thầu thi công xây dựng không được vượt chi phí hạng mục chung trong dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt.

Dự toán GXD – Dừng là kích ~ Kích là sướng

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

		- G_{DP} chi phí dự phòng trong dự toán gói thầu thi công xây dựng: $G_{DP} = DP_{xd1} + DP_{xd2}$ Trong đó $DP_{xd1} = (G_{XD} + G_{HMC}) \times K_{ps} (K_{ps} < 5\%)$ DP_{xd2} Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá được xác định hoàn toàn tương tự chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong dự toán xây dựng công trình.
Dự toán gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị lắp đặt vào công trình (G_{GTTB})	Nội dung này chưa được quy định trong TT04/2010/TT-BXD	Được quy định tại Điều 12: Được xác định theo công thức sau: $G_{GTTB} = G_{MS} + G_{DT} + G_{LD} + G_K + G_{DPTB}$ - G_{DPTB} chi phí dự phòng trong dự toán gói thầu thi công xây dựng $G_{DP} = DP_{TB1} + DP_{TB2}$ Trong đó $DP_{TB1} = (G_{XD} + G_{HMC}) \times K_{ps} (K_{ps} < 5\%)$ DP_{TB2} Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá được xác định hoàn toàn tương tự chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong dự toán xây dựng công trình.
Dự toán gói thầu tư vấn đầu tư xây dựng	Nội dung này chưa được quy định trong TT04/2010/TT-BXD	Được quy định tại Điều 13: Bao gồm: Chi phí chuyên gia, chi phí quản lý, chi phí khác, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế và chi phí dự phòng. - Chi phí dự phòng của gói thầu tư vấn được xác định cho yếu tố khối lượng phát sinh và yếu tố trượt giá được tính bằng định mức tỷ lệ % theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng nhưng tổng tỷ lệ % chi phí dự phòng không vượt mức tỷ lệ % chi phí dự phòng tương ứng với từng yếu tố của dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt. - Đối với công việc tư vấn xác định theo tỷ lệ % hoặc theo dự toán người – tháng

Dự toán GXD – Dừng là kích ~ Kích là sướng

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

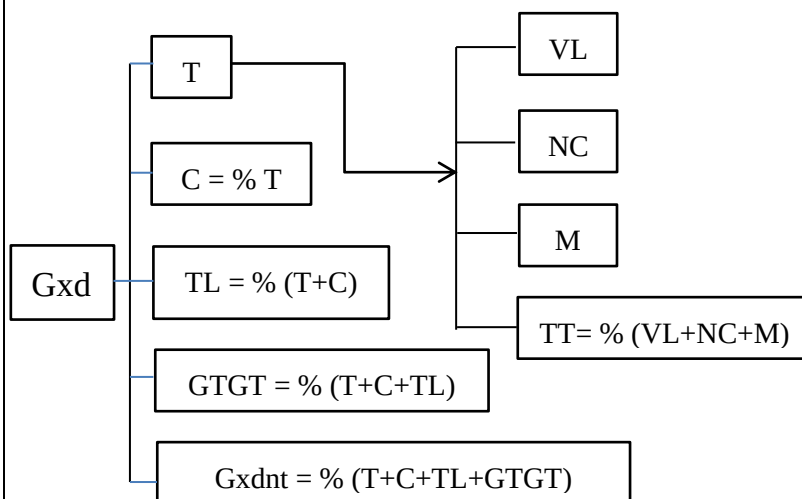
		(man – month) gồm: chi phí chuyên gia, chi phí quản lý, chi phí khác, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế và chi phí dự phòng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.
Dự toán gói thầu hỗn hợp	Nội dung này chưa được quy định trong TT04/2010/TT-BXD	Được quy định tại Điều 14: Bao gồm: - Dự toán gói thầu thiết kế và thi công xây dựng (EC) - Dự toán gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị và thi công xây dựng (PC) - Dự toán gói thầu thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng (EPC) và gói thầu lập dự án – thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng.

Dự toán GXD – Dùng là kích ~ Kích là sướng

Phương pháp lập dự toán xây dựng công trình (xác định cụ thể bằng công thức)

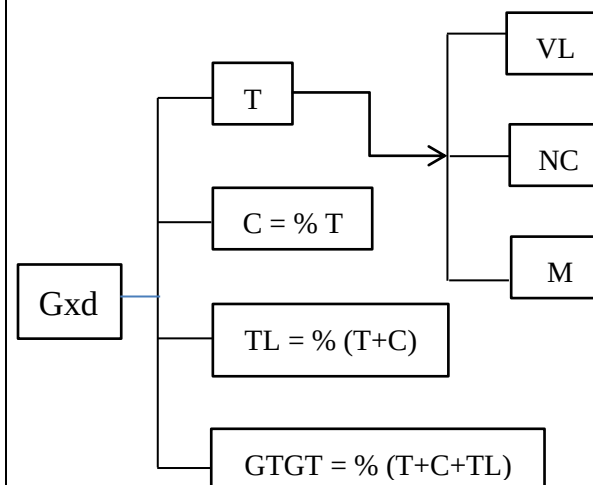
Dự toán xây dựng công trình được xác định theo công thức sau: $G_{XDCT} = G_{XD} + G_{TB} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K + G_{DP}$

1. Chi phí xây dựng



Trong đó:

- ĐMTL % để xác định TT, được quy định tại bảng PL 3.7 tùy thuộc vào loại hình công trình.
- ĐMTL % để xác định C, C có thể tính trên chi phí trực tiếp (T) hoặc tính trên chi phí nhân công (NC) được quy định tại bảng PL 3.8 tùy thuộc vào loại hình công trình.
- ĐMTL % để xác định TL được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí trực tiếp và chi phí chung quy định tại bảng PL 3.8 tùy thuộc vào loại hình công trình.

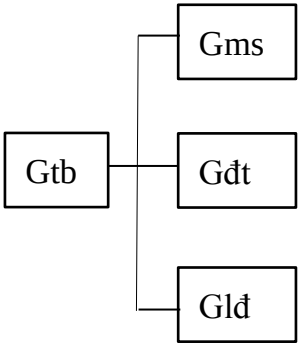
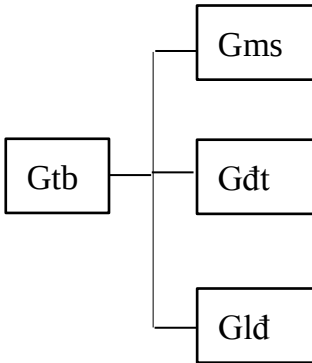


Trong đó:

- C có thể theo chi phí trực tiếp T thì ĐMTL% của C được **tính trên quy mô chi phí xây dựng trước thuế trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án được duyệt** theo hướng dẫn tại Bảng 3.7 tùy thuộc vào loại hình công trình.
- Hoặc** tính trên chi phí nhân công (NC) được quy định tại bảng PL 3.8 tùy thuộc vào loại hình công trình.
- ĐMTL % để xác định TL, được tính bằng tỷ lệ phần

Dự toán GXD – Dùng là kích ~ Kích là sườn

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

	- ĐMTL % để xác định GTGT theo quy định của Bộ Tài chính. - ĐMTL % để xác định Gxdnt bằng 1 % hoặc 2 %, 2 % áp dụng đối với các công trình theo dạng tuyến.	trăm (%) trên chi phí trực tiếp và chi phí chung trong dự toán chi phí xây dựng theo hướng dẫn tại Bảng 3.9 tùy thuộc vào loại hình công trình. - ĐMTL % để xác định GTGT theo quy định của Bộ Tài chính.
2. Chi phí thiết bị	 <pre> graph LR Gtb --- Gms Gtb --- Gdt Gtb --- Glđ </pre> <u>Trong đó:</u> - Gms: Chi phí mua sắm thiết bị công nghệ (xác định theo hướng dẫn mục 2.1 – bảng PL2). - Gdt: Chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ, được tính bằng cách lập dự toán hoặc dự tính theo đặc điểm cụ thể từng dự án. - Glđ: Chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm hiệu chỉnh, được	 <pre> graph LR Gtb --- Gms Gtb --- Gdt Gtb --- Glđ </pre> <u>Trong đó:</u> - Gms: Chi phí mua sắm thiết bị công nghệ (xác định theo hướng dẫn mục 2.1 – bảng PL2). - Gdt: Chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ, được tính bằng cách lập dự toán hoặc dự tính theo đặc điểm cụ thể từng dự án. - Glđ: Chi phí lắp đặt thiết bị và chi phí thí nghiệm

Dự toán GXD – Dừng là kích ~ Kích là sưng

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

	tính như với chi phí xây dựng trên.	hiệu chỉnh, được tính như với chi phí xây dựng trên.
3. Chi phí quản lý dự án	Chi phí quản lý dự án được xác định bằng công thức sau, quy định tại mục 3 – bảng PL 2: $G_{QLDA} = T \times (G_{XDtt} + G_{TBtt})$ T: định mức tỷ lệ % đối với chi phí quản lý dự án được xác định dựa vào QĐ 957/QĐ-BXD.	Chi phí quản lý dự án được xác định bằng công thức sau, quy định tại mục 3, bảng PL 2: $G_{QLDA} = N \times (G_{XDtt} + G_{TBtt})$ N: định mức tỷ lệ % đối với chi phí quản lý dự án tương ứng với quy mô xây lắp và thiết bị của dự án (theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng). <u>New</u>: Trường hợp chi phí QLDA được xác định như công thức trên không phù hợp thì được xác định bằng cách lập dự toán. Phương pháp lập dự toán theo hướng dẫn của BXD.
4. Chi phí tư vấn	Chi phí tư vấn quy định tại mục 4 – bảng PL 2	Chi phí tư vấn quy định tại mục 4 – bảng PL 2, các công thức được diễn giải lại đơn giản hơn so với thông tư 04/2010/TT-BXD. <u>New</u>: Trường hợp một số công việc tư vấn đầu tư xây dựng được thực hiện trước khi xác định lập dự toán thì chi phí tư vấn đầu tư xây dựng được xác định bằng giá trị hợp đồng tư vấn đó đã ký kết.
5. Chi phí khác	Chi phí khác quy định tại mục 5 – bảng PL 2	Chi phí khác quy định tại mục 5 – bảng PL 2, các công thức tính tương tự TT04/2010 được diễn giải lại

Dự toán GXD – Dừng là kích ~ Kích là sướng

		đơn giản hơn. Điểm khác nổi bật chi phí khác trong TT mới này có thêm chi phí Hạng mục chung, chi phí này được xác định theo công thức sau: $C_{HMC} = (C_{NT} + C_{KKL}) \times (1+T) + C_K$ <u>Trong đó:</u> - C_{NT} : Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công, được xác định như sau: $C_{NT} = ĐMTL \% \times (G_{XDtt} + G_{LĐTBtt})$ $G_{LĐTBtt}$: chi phí lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị trước thuế giá trị gia tăng. ĐMTL % ứng với 2% đối với công trình dạng tuyến, các công trình còn lại 1%. Lưu ý: Đối với các công trình xây dựng khác nếu khoản mục chi phí này theo ĐMTL % trên không phù hợp thì chủ đầu tư căn cứ vào điều kiện thực tế tổ chức lập và phê duyệt chi phí này. Cách lập như dự toán chi phí xây dựng (Gxd). - C_{KKL}: chi phí một số công việc thuộc hạng mục chung nhưng không xác định được khối lượng từ thiết kế gồm: Chi phí an toàn lao động và bảo vệ môi trường cho người lao động trên công trường và môi trường xung quanh; Chi phí thí nghiệm vật liệu của
--	--	---

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

		nhà thầu; Chi phí di chuyển lực lượng lao động trong nội bộ công trường; Chi phí bơm nước, vét bùn không thường xuyên. Được tính bằng: $C_{KKL} = \text{ĐMTL \%} \times (G_{\text{XDtt}} + G_{\text{LĐTBtt}}); \text{ĐMTL \%}$ được xác định tại bảng phụ lục 2.4. - C_K: chi phí hạng mục chung còn lại gồm: Chi phí di chuyển máy, thiết bị thi công và lực lượng lao động đến và ra khỏi công trường; Chi phí bảo đảm an toàn giao thông phục vụ thi công (nếu có); Chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật do bị ảnh hưởng khi thi công xây dựng công trình (nếu có); Chi phí kho bãi chứa vật liệu (nếu có) và các chi phí khác liên quan đến công trình theo chỉ dẫn kỹ thuật được xác định bằng phương pháp lập dự toán hoặc ước tính chi phí. Nếu lập dự toán thì xác định tương tự chi phí xây dựng. - T: mức thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định.
6. Chi phí dự phòng	Chi phí dự phòng quy định tại mục 6 – bảng PL 2 Chi phí dự phòng được xác định theo 2 yếu tố: dự phòng chi phí cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh và dự phòng chi phí cho yếu tố trượt giá.	Chi phí dự phòng quy định tại mục 6 – bảng PL 2 Chi phí dự phòng được xác định theo 2 yếu tố: dự phòng chi phí cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh và dự phòng chi phí cho yếu tố trượt giá.

Dự toán GXD – Dừng là kích ~ Kích là sướng

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

	Chi phí dự phòng được xác định theo công thức sau: $G_{DP} = G_{DP1} + G_{DP2}$ <u>Trong đó:</u> - G_{DP1}: chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh được xác định theo công thức sau: $G_{DP1} = (G_{XD} + G_{TB} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K) \times Kps$ Kps là hệ số dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh, kps = 5% - G_{DP2}: chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá (G_{DP2}) được xác định theo công thức sau $G_{DP2} = \sum_{t=1}^T G_{XDCT}^t \times \{[1 + (I_{XDCTbq} \pm \Delta I_{XDCT})^t] - 1\}$ <u>Trong đó:</u> +) T: thời gian xây dựng công trình xác định theo (tháng, quý, năm); +) t: số thứ tự thời gian phân bổ vốn theo kế hoạch xây dựng công trình ($t=1 \div T$); +) G_{XDCT}^t: giá trị dự toán xây dựng công trình trước chi phí dự phòng thực hiện trong khoản thời gian thứ t; +) I_{XDCTbq}: mức độ trượt giá bình quân tính trên cơ sở bình quân các chỉ số giá xây dựng công trình theo loại công trình của tối	Chi phí dự phòng được xác định theo công thức sau: $G_{DP} = G_{DP1} + G_{DP2}$ <u>Trong đó:</u> - G_{DP1}: chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh được xác định theo công thức sau: $G_{DP1} = (G_{XD} + G_{TB} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K) \times Kps$ Kps là hệ số dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh, kps ≤ 5%. - G_{DP2}: chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá (G_{DP2}) được xác định theo công thức sau: $G_{DP2} = \sum_{t=1}^T G_{XDCT}^t \times [(I_{XDCTbq} \pm \Delta I_{XDCT})^t - 1]$ <u>Trong đó:</u> +) T: thời gian xây dựng công trình xác định theo (tháng, quý, năm); +) t: số thứ tự thời gian phân bổ vốn theo kế hoạch xây dựng công trình ($t=1 \div T$); +) G_{XDCT}^t: giá trị dự toán xây dựng công trình trước chi phí dự phòng thực hiện trong khoản thời gian thứ t;
--	--	--

Dự toán GXD – Dừng là kích ~ Kích là sướng

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

	thiếu 3 năm gần nhất so với thời điểm tính toán. +) $\pm \Delta I_{XDCT}$: mức biến động của các yếu tố chi phí, giá cả trong khu vực và quốc tế so với mức độ trượt giá bình quân năm đã tính.	+) I_{XDCTbq}: chỉ số giá xây dựng sử dụng tính dự phòng cho yếu tố trượt giá. +) $\pm \Delta I_{XDCT}$: mức biến động bình quân của chỉ số giá xây dựng theo thời gian dựng công trình so với mức độ trượt giá bình quân của năm đã tính và được xác định trên cơ sở dự báo xu hướng biến động của các yếu tố chi phí giá cả trong khu vực và quốc tế bằng kinh nghiệm chuyên gia.
Phương pháp xác định giá vật liệu đến hiện trường xây dựng công trình G_{VL}		
	Được quy định tại mục 1.2.4 – Bảng phụ lục 6: Giá vật liệu đến hiện trường công trình được xác định theo công thức: $G_{VL} = G_{CCT} + C_{HT}$ $G_{CCT} = G_G + C_{VC}$ <u>Trong đó:</u> - G_{CCT} : Giá vật liệu đến công trình - G_G : Giá vật liệu gốc - C_{VC} : Chi phí vận chuyển đến công trình (bao gồm cả chi phí trung chuyển, nếu có).	Được quy định tại mục 2.4 – Bảng phụ lục 4: Giá vật liệu đến hiện trường công trình được xác định theo công thức: $G^{vl} = G^{ng} + C^{v/c} + C^{bx} + C^{vcnb} + C^{hh}$ <u>Trong đó:</u> - G^{ng}: giá vật liệu tại nguồn cấp (giá trên phương tiện vận chuyển). - $C^{v/c}$: Chi phí vận chuyển đến công trình - C^{bx}: Chi phí bốc xếp (nếu có) - C^{vcnb}: Chi phí vận chuyển nội bộ công trình (nếu có). - C^{hh}: Chi phí hao hụt bảo quản tại hiện trường công

Dự toán GXD – Dừng là kích ~ Kích là sướng

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

- C_{HT}: Chi phí tại hiện trường bao gồm: bốc xếp, vận chuyển trong nội bộ công trình, hao hụt bảo quản tại kho, bãi. $C_{HT} = C_{bx} + C_{vcht} + C_{hh}$ + C_{bx}: tính trên cơ sở định mức lao động bốc xếp và đơn giá nhân công công trình. + C_{vcht}: vận chuyển bằng phương tiện thô sơ trong nội bộ công trình tính bình quân trong phạm vi 300m trên cơ sở định mức lao động vận chuyển vật liệu bằng phương tiện thô sơ và đơn giá nhân công xây dựng công trình. + C_{hh}: chi phí hao hụt bảo quản vật liệu tại kho, bãi công trường được tính theo % so với giá vật liệu đến hiện trường. Nội dung, trình tự tính toán giá vật liệu đến hiện trường công trình được xác định theo các bảng tính 6.1, 6.2 và 6.3 trong thông tư.	trình (nếu có). Bảng tính giá vật liệu đến hiện trường được quy định hướng dẫn tại bảng tính 4.1.
---	---

Dự toán GXD – Dùng là kích ~ Kích là sườn

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

2.1. Thông tư số 02/2011/TT-BXD

Chỉ số giá xây dựng so với thông tư số 02/2011/TT-BXD được rút gọn và đơn giản hơn rất nhiều. Một số điểm thể hiện sự khác biệt giữa TT mới – cũ được thể hiện tại bảng sau:

Tiêu chí đánh giá	Thông tư 02/2011/TT-BXD	Thông tư 06/2016/TT-BXD
Thời điểm tính toán	Thời điểm được lựa chọn để tính toán các chỉ số giá xây dựng để công bố: - Thời điểm gốc được xác định là năm 2006 và được sử dụng cố định trong khoảng thời gian tối đa là 5 năm.	Cụ thể tại Điều 20 => 24 và phụ lục số 7. Thời điểm được lựa chọn để tính toán các chỉ số giá xây dựng để công bố: - Thời điểm gốc được xác định là theo công bố của hiện hành của Tỉnh, thành phố và được cố định trong khoảng thời gian là 5 năm. - Khi có sự thay đổi về thời điểm gốc cần tính toán lại các năm đã công bố so với thời điểm gốc mới (tối thiểu là 1 năm trước thời điểm gốc mới).
Trình tự xác định	Được quy định tại điều 8, gồm các 4 bước sau: - B1: Lập danh mục các loại công trình, lựa chọn các yếu tố chi phí đầu vào - B2: Thu thập, xử lý các số liệu, dữ liệu tính toán. - B3: Xác định chỉ số giá xây dựng công trình bao gồm: xác định các cơ cấu chi phí, tính toán các chỉ số giá theo cơ cấu chi phí, theo yếu tố chi phí và chỉ số giá cho từng loại yếu tố đầu vào. - B4: Công bố các chỉ số giá xây dựng	Được quy định tại điều 22 và cách xác định chi tiết tại Phụ lục 7. Gồm 4 bước sau: - B1: Xác định thời điểm tính toán gồm thời điểm gốc, thời điểm so sánh - B2: Lập danh mục các công trình, lựa chọn các yếu tố đầu vào. - B3: Thu thập, xử lý số liệu, dữ liệu tính toán. - B4: Xác định chỉ số giá xây dựng công trình gồm xác định cơ cấu chi phí, tính toán chỉ số giá xây dựng cho từng loại yếu tố đầu vào, theo yếu tố chi phí, theo cơ cấu chi phí và chỉ số giá xây dựng công trình.
Công bố chỉ số	Được quy định tại Điều 12:	Được quy định tại Điều 24:

Dự toán GXD – Dừng là kích ~ Kích là sướng

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

giá	- Công bố chỉ số giá xây dựng được công bố theo năm: Việc công bố được thực hiện vào tuần thứ ba của tháng đầu năm sau	- Chỉ số giá xây dựng quốc gia được Bộ Xây dựng công bố theo quý và theo năm. - Các Sở Xây dựng công bố theo tháng, quý, năm
------------	--	---

2.2. Thông tư số 06/2010/TT-BXD

Tiêu chí đánh giá	Thông tư 06/2010/TT-BXD	Thông tư 06/2016/TT-BXD
Nội dung chi phí trong giá ca máy và thiết bị thi công	Được quy định tại Điều 3 , bao gồm: $G_{CM} = C_{KH} + C_{SC} + C_{NL} + C_{TL} + C_{CPK}$	Được quy định tại Điều 25 => 28 và bảng phụ lục 6 , bao gồm: $G_{CM} = C_{KH} + C_{SC} + C_{NL} + C_{NC} + C_{CPK}$ <u>Giá ca máy chờ đợi:</u> Là giá ca máy của các máy đã được huy động đến công trình để thi công xây dựng công trình nhưng chưa có việc để làm nhưng không do lỗi của nhà thầu. Giá ca máy chờ đợi gồm chi phí khấu hao (được tính 50% chi phí khấu hao), chi phí nhân công điều khiển (được tính 50% chi phí tiền lương công nhân điều khiển) và chi phí khác của máy.
Xác định các nội dung trong Giá ca máy		
1. Chi phí khấu hao	Công thức xác định giá ca máy, quy định tại khoản 1 – Điều 6 : $C_{KH} = \frac{(G - G_{TH})xĐ_{KH}}{N_{CA}}$ Giá trị thu hồi là giá trị phần còn lại của máy sau khi được thanh lý và xác định như sau: - Nguyên giá từ 10.000.000 đồng trở lên giá trị thu hồi nhỏ hơn hoặc bằng 5%. Nhỏ hơn không tính.	Công thức xác định giá ca máy, quy định tại mục 3 – bảng phụ lục 6 : $C_{KH} = \frac{(G - G_{TH})xĐ_{KH}}{N_{CA}}$ Giá trị thu hồi là giá trị phần còn lại của máy sau khi được thanh lý và xác định như sau: - Nguyên giá từ 30.000.000 đồng trở lên giá trị thu hồi nhỏ hơn hoặc bằng 10%. Nhỏ hơn không tính. <u>New:</u> Các thông số để tính chi phí khấu hao được quy định theo bảng phụ lục mới do Bộ

Dự toán GXD – Dừng là kích ~ Kích là sướng

So sánh Thông tư 04/2010/TT-BXD & Thông tư 06/2016/TT-BXD

	Các thông số để tính chi phí khấu hao được quy định tại bảng Phụ lục đi kèm của TT06/2010.	Xây dựng ban hành (Hiện nay có Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng về việc Công bố hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng).
2. Chi phí sửa chữa	Công thức xác định chi phí sửa chữa, được quy định tại khoản 2 – Điều 6 . Các thông số để tính chi phí khấu hao được quy định tại bảng Phụ lục đi kèm của TT06/2010.	Công thức xác định chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, được quy định tại khoản 4 – bảng phụ lục 6 . Các thông số để tính chi phí khấu hao được quy định theo Quyết định mới do Bộ Xây dựng ban hành.
3. Chi phí nhiên liệu, năng lượng	Công thức xác định chi phí nhiên liệu, năng lượng được quy định tại khoản 3 – Điều 6 . $G_{NL} = \text{Định mức tiêu hao} \times \text{Giá } nl, nl \times K_p$ Trong đó hệ số K_p , được xác định tùy thuộc động cơ: - Xăng: 1,03 - Diezel: 1,05 - Động cơ điện: 1,07	Công thức xác định chi phí nhiên liệu, năng lượng được quy định tại mục 5 – bảng phụ lục 6 : $G_{NL} = \sum_{i=1}^n D_{NLI} \times C_{NLI} \times K_{Pi}$ Trong đó hệ số K_p , được xác định như sau: - Xăng: 1,01 đến 1,03 - Diezel: 1,02 đến 1,05 - Động cơ điện: 1,03 đến 1,07
4. Chi phí tiền lương thợ điều khiển máy	Công thức xác định chi phí tiền lương được quy định tại khoản 4 – Điều 6 . <i>Theo NĐ 205/2004 công nhân điều khiển máy thuộc nhân công nhóm II (trong tổng số 3 nhóm, 7 bậc)</i>	Công thức xác định chi phí nhân công tương tự TT06, được quy định tại mục 6 – bảng phụ lục 6 . <i>Theo thông tư 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thi nhân công lái máy thuộc nhân công nhóm I (trong tổng số 2 nhóm, 7 bậc)</i>
5. Chi phí khác của máy	Công thức xác định chi phí khác được quy định tại khoản 5 – Điều 6 Các thông số để tính chi phí khấu hao được quy định tại bảng Phụ lục đi kèm của TT06/2010	Công thức xác định tương tự TT06/2010, được quy định tại mục 7 – bảng phụ lục 6 Các thông số để tính chi phí khấu hao được quy định theo Quyết định mới do Bộ Xây dựng ban hành.

Th.s Nguyễn Thế Anh

Ks Phạm Văn Thắng

P. Tư Vấn – Cty Cổ Phần Giá Xây dựng

Dự toán GXD – Dùng là kích ~ Kích là sướng